| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14/11/2025
*"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Quân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chìu và bà Nguyễn Thị Hồng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thuý Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hải Phòng:*** Bà Phạm Thị Diễm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 220/2025/TLST- HNGĐ ngày 13/10/2025, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con* ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/10/2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 29/3/1992.

Địa chỉ: Thôn M, xã L, thành phố Hải Phòng.

Số CCCD: 030192001307 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 27/4/2021.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh ngày 23/12/1987.

Địa chỉ: Thôn M, xã L, thành phố Hải Phòng.

Số CCCD: 030087003090 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 17/04/2021.

*(Chị N, anh L đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã L, thành phố Hải Phòng) ngày 30/8/2011. Sau ngày cưới vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được 13 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh L thiếu tôn trọng chị dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Tháng 5/2025 chị đã về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân, anh L không tìm gặp và không cho chị gặp các con. Nay chị xác định

tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về quan hệ con chung: Chị và anh L có 3 con chung là Nguyễn Phạm Đức C, sinh ngày 22/04/2014, Nguyễn Phạm Nhật L1, sinh ngày 06/01/2016 và Nguyễn Thanh V, sinh ngày 02/12/2019, hiện nay các con đang ở với bố. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu V, đồng ý để anh L nuôi hai cháu C và L1. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án, chị N thay đổi quan điểm, đồng ý để anh L nuôi cả 3 con. Về cấp dưỡng tiền nuôi con các bên tự thoả thuận, ly hôn không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh L có nhà đất tại thôn M, xã L, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu cả án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*- Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:* Về điều kiện và thời gian kết hôn như chị N trình bày là đúng. Sau ngày cưới vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được 3 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị N đi nước ngoài. Khoảng 1 năm sau chị N về Việt Nam, vợ chồng sinh thêm con, hai bên sống hoà thuận được một thời gian thì tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Năm 2019 chị N từng làm đơn ly hôn gửi Toà án nhân dân dân huyện Tứ Kỳ nhưng được Toà án hoà giải nên chị N rút đơn ly hôn, vợ chồng đoàn tụ được một thời gian. Đến tháng 5/2025 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị N bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Nay chị N có đơn ly hôn, do các con còn nhỏ anh mong muốn chị N suy nghĩ, rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp chị N vẫn cương quyết ly hôn, anh chỉ đồng ý ly hôn khi được nuôi cả ba con.

Về quan hệ con chung: Anh và chị N có 3 con chung như chị N trình bày là đúng. Hiện các con đang sống cùng anh, ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả ba con, tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện anh làm công nhân, thu nhập khoảng từ 14 triệu đến 15 triệu đồng/tháng, có nhà riêng, bố mẹ anh còn khỏe và ở gần nên ông bà nội có thể hỗ trợ anh trong việc chăm sóc các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị N có tài sản chung là nhà đất tại thôn M, xã L, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên anh không đề nghị Toà án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Phạm Đức C và Nguyễn Phạm Nhật L1 đều xác định: Nếu bố mẹ ly hôn, các cháu đều có nguyện vọng được ở với bố là Nguyễn Văn L.

Do điều kiện công việc chị N, anh L đều đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa chị N, anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị N được ly hôn anh L. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Phạm Đức C, sinh ngày 22/04/2014, Nguyễn Phạm Nhật L1, sinh ngày 06/01/2016 và Nguyễn Thanh V, sinh ngày 02/12/2019 cho anh Nguyễn Văn L chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về án phí: Chị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Hồng N có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn L, bị đơn có Hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống làm việc tại thôn M, xã L, thành phố Hải Phòng. Căn cứ Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng; Quá trình giải quyết vụ án chị N, anh L có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã L, thành phố Hải Phòng) ngày 30/8/2011, là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm. Anh chị đã từng làm đơn ly hôn, nhưng sau đó rút đơn vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 5/2025 đến nay, anh chị sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị N có đơn ly hôn, anh L chỉ đồng ý khi được nuôi cả ba con. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh L và chị N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, xử cho chị N được ly hôn anh L để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3] *Về quan hệ con chung:* Chị Phạm Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn L có 3 con chung là Nguyễn Phạm Đức C, sinh ngày 22/04/2014, Nguyễn Phạm Nhật L1, sinh ngày 06/01/2016 và Nguyễn Thanh V, sinh ngày 02/12/2019. Xét nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả 3 con chung của anh L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện các con đang ở với anh L, trong dó cháu C và cháu L1 đều đã trên 7 tuổi có nguyện vọng xin được ở với bố, anh L hiện làm công nhân, có thu nhập và chỗ ở ổn định, được bố mẹ hỗ trợ thêm trong việc chăm sóc các con chung, chị N cũng đồng ý để anh L nuôi dưỡng cả ba con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, đảm bảo quyền lợi của các đương sự, cần tiếp tục giao cháu C,

cháu L1 và cháu V cho anh L nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Phạm Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng N khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Toà án.

*Vì những lẽ trên*:

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 245 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về... mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Phạm Đức C, sinh ngày 22/04/2014, Nguyễn Phạm Nhật L1, sinh ngày 06/01/2016 và Nguyễn Thanh V, sinh ngày 02/12/2019 cho anh Nguyễn Văn L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi (Hiện các con chung đang ở với anh L). Chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

*Chị Phạm Thị Hồng N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không được ai cản trở.*

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003627 ngày 13 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
*(Đã ký)*

**Nguyễn Văn Quân**

**Nơi nhận:**
- VKSND khu vực 11
- Các đương sự;
- THA dân sự thành phố Hải Phòng;
(Phòng THADS khu vực 11 – Hải Phòng)
- UBND xã Lạc Phượng- TP Hải Phòng
(ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.